

Số: 31/2021/HSST

Ngày: 05 - 4 - 2021

NH3 DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH3 DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh

Các Hội thẩm NH3 dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều
2. Bà Lương Thị Thu An

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án NH3 dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Toà án NH3 dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/HSST ngày 26 tháng 02 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX - HS ngày 15/3/2021 đối với các bị cáo:

- ĐẶNG VĂN D, sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị Ng; vợ, con: chưa có; Tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/12/2020 đến ngày 21/12/2020 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- HOÀNG MẠNH H, sinh năm 1989, tại Bình Phước; Tên gọi khác: C; HKTT: Ấp 17, xã T, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Ấp 10, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn H1 và bà Trần Thị T; vợ con chưa có; Tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/12/2020 đến ngày 21/12/2020 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

- Chị Trần Nguyễn Thu C1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp 3B, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H2, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp 10, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Mạnh H và Đặng Văn D là bạn bè. Khoảng 20 giờ đến 22 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2020, D và H đã hai lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11 tháng 12 năm 2020, D và H được chị Lại Thị Ngọc H3 rủ đến quán karaoke “T” tại tổ 11, ấp 3A, xã M, huyện Chơn Thành (sau đây gọi là quán) để ca hát và uống bia. H điều khiển xe mô tô của D nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93R1-1586 chở D đến quán nhưng vì thấy trong phòng hát của chị H3 đông người nên H và D ra về, khi ra đến nhà để xe thấy không có người trông coi nên D kêu H nâng yên xe mô tô Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 93E1-079.58 của chị Trần Nguyễn Thu C1 để D đưa tay vào cốp xe lấy trộm tài sản. D lấy được 01 ví da nam, màu nâu bên trong có số tiền 1.500.000 đồng, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Nguyễn Thu C1 và Nguyễn Hùng V, sau khi lấy trộm được những tài sản trên thì D và H chia nhau số tiền mỗi người được 750.000 đồng; còn các giấy tờ thì D vứt vào sọt đựng rác bên đường.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ 40 chị Lại Thị Ngọc H3 tiếp tục gọi điện thoại mời D và H đến quán để ca hát, uống bia; H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ - nâu - đen, biển kiểm soát 93B1-292.98 của chị Lê Thị H2 đến quán ca hát, uống bia được khoảng 20 phút thì H và D ra về, ra nhà xe của quán H và D thấy không có người trông coi nên D tiếp tục kêu H nâng yên xe mô tô loại Vespa, màu đỏ - vàng, biển kiểm soát: 65G1-154.50 của chị Nguyễn Thị Bích P để D đưa tay vào cốp xe lấy trộm tài sản. D lấy được 01 ví da nữ, màu nâu bên trong có số tiền 2.800.000 đồng và giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe của chị P. Sau khi lấy trộm được những tài sản trên thì D và H chia nhau số tiền mỗi người được 1.400.000 đồng, còn các giấy tờ thì H đã đốt cháy.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ của bị cáo H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ nâu đen, biển số 93B1-292.98. Xe mô tô này là tài sản của chị Lê Thị H2, chị H2 cho H mượn xe để đi chơi, H sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì chị H2

không biết nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H2.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu tím là tài sản hợp pháp của H. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo H

- Số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo H là số tiền H thu lợi từ việc trộm cắp tài sản mà có.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ biển số 93R1-1586. Xe mô tô trên đứng tên anh Mai Thanh H4. Anh H4 đã bán lại xe cho anh Nguyễn Chí N. Tháng 10/2020 anh N giao xe cho C1 Văn L mượn làm phương tiện đi lại. Sau đó anh L giao cho Nguyễn Thanh Duy mượn, Duy đã chiếm đoạt rồi bỏ trốn cho đến nay. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chơn Thành đã chuyển nguồn tin và vật chứng đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bình Long, Bình Phước để giải quyết theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo H và D đã bồi thường cho chị Trần Nguyễn Thu C1 số tiền 4.500.000 đồng, chị C1 không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo H và D đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền 7.800.000 đồng, chị P không có yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số: 28/CTr-VKS, ngày 24/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Đặng Văn D và Hoàng Mạnh H về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; số tiền các bị cáo chiếm đoạt không lớn và các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong vụ án này mặc dù các bị cáo đều là người thực hiện hành vi nhưng bị cáo D là người khởi xướng để các bị cáo chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên cần thiết phải xử lý bị cáo D với hình phạt cao hơn bị cáo H. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 50; 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo D mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo H và D thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại: Người bị hại chị Nguyễn Thị Bích P và chị Trần Nguyễn Thu C1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của người bị hại không trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo H và D khai H và D có hai lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác tại quán karaoke “T” thuộc ấp 3A, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước khoảng từ 20 giờ đến 22 giờ 00 phút ngày 11 tháng 12 năm 2020, cụ thể: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11 tháng 12 năm 2020 H và D được chị Lại Thị Ngọc H3 là bạn gái của D mời đến quán karaoke “T” để ca hát và uống bia, khi đến quán thấy đông người nên H, D không vào phòng hát mà đi ra về, ra đến bãi giữ xe của quán thì D, H thấy không có người trông coi nên D kêu H nâng yên chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, Sirius, biển số: 93 E 1 – 079.08 của chị Trần Nguyễn Thu C1 để D lấy trộm của chị C1 số tiền 1.500.000 đồng và một số giấy tờ của chị C1; Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày chị H3 tiếp tục gọi mời H và D đến quán để ca hát và uống bia, sau khi ca hát được khoảng 20 phút thì H, D ra về, ra đến bãi giữ xe của quán thì D thấy không có người trông coi nên D tiếp tục kêu H nâng yên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vespa, biển số: 65 G1 – 154.50 của chị Nguyễn Thị Bích P để D lấy trộm của chị P số tiền 2.800.000 đồng và một số giấy tờ của chị P. Sau khi lấy trộm được số tiền nói trên của chị C1 và chị P thì H và D đã chia nhau để tiêu xài, D và H mỗi người nhận được số tiền là 2.150.000 đồng; còn các giấy tờ của chị C1 thì D vứt vào thùng rác, giấy tờ của chị P thì H đã đốt cháy. Tổng số tiền bị cáo D và bị cáo H đã chiếm đoạt của chị C1 và chị P ngày 11/12/2020 là 4.300.000 đồng, như vậy hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng số: 28/CTr-VKS, ngày 24/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng pháp luật.

[4] *Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo:* Bị cáo H và bị cáo D đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự; hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Lợi dụng sự sơ hở của người khác H và D đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, D là người khởi xướng và cùng với H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị C1 và chị P với số tiền là 4.300.000 đồng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Trong đó, cần xử lý bị cáo D mức phạt cao hơn bị cáo H.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo H và D đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản liên tục và kế tiếp nhau về mặt thời gian từ khoảng 20 giờ đến 22 giờ ngày 11/12/2020, cụ thể: Lần thứ nhất các bị cáo H, D chiếm đoạt tài sản với số tiền 1.500.000 đồng của chị C1 và lần thứ hai các bị cáo H, D chiếm đoạt tài sản với số tiền là 2.800.000 đồng của chị P. Tuy nhiên, trong hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì lần thứ nhất các bị cáo H và D chiếm đoạt tài sản với số tiền 1.500.000 đồng là chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ điểm a Tiểu mục 5, Mục II Thông tư liên tịch số:02/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BCA – BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Công an và Bộ Tư pháp và các Tiểu mục 3, 4, Mục I Công văn số: 64/TANDTC – PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tổ tụng hành chính thì các bị cáo H, D tuy có hai lần chiếm đoạt tài sản nhưng có một lần chiếm đoạt tài sản (1.500.000 đồng) dưới 2.000.000 đồng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, trường hợp này cộng giá trị tài sản của hai lần với tổng số tiền bị các bị cáo chiếm đoạt là 4.300.000 đồng để truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo H và D không bị xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại chị Nguyễn Thị Bích P và chị Trần Nguyễn Thu C1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, có khả năng tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì “Người phạm tội còn có thể bị

phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Tuy nhiên, do các bị cáo là người làm công ăn lương với mức thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo H và D đã bồi thường cho chị Trần Nguyễn Thu C1 số tiền 4.500.000 đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền 7.800.000 đồng. Chị C1 và chị P không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9]. *Về xử lý vật chứng*:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ nâu đen, biển số 93B1-292.98 là tài sản của chị Lê Thị H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart là tài sản hợp pháp của H, Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành đã ra quyết định xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo H, xét thấy cần quản thủ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ biển số 93R1-1586, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chơn Thành đã xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- 01 ví da màu nâu là tài sản của chị Trần Nguyễn Thu C1 Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành đã xử lý vật chứng trả lại cho chị C1 nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10]. *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nH3 dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11]. *Án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn D và Hoàng Mạnh H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 50; 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nH3 dân tối cao:

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn D 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 05/4/2021).

Giao bị cáo Đặng Văn D cho Ủy ban nH3 dân xã T, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh H 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án (Ngày 05/4/2021).

Giao bị cáo Hoàng Mạnh H cho Ủy ban nH3 dân xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hoàng Mạnh H và bị cáo Đặng Văn D thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Quản thủ số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*) của bị cáo HOÀNG MẠNH H để thi hành án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Văn D và Hoàng Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Mạnh